

Sự ra đời tư tưởng của C.Mác về công bằng và dân chủ trong cuộc luận chiến chống lại chủ nghĩa cộng sản bình quân

ThS. MAI PHƯƠNG THẢO

Ban Dân vận Trung ương Đảng; Email: maiphuongthao161@yahoo.com

Tóm tắt: Kể từ khi ra đời cho đến nay, chủ nghĩa Mác là một trong các trào lưu tư tưởng có ảnh hưởng lớn nhất đến số phận lịch sử của loài người. Nó đã và đang được chú giải theo rất nhiều cách khác nhau, thậm chí đối lập nhau, nhất là trong vấn đề về công bằng và dân chủ. Để lĩnh hội đúng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác, việc tái hiện và phân tích tư tưởng của C.Mác về công bằng và dân chủ trong cuộc luận chiến chống lại chủ nghĩa cộng sản bình quân có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng và cấp bách.

Từ khóa: công bằng; dân chủ; chủ nghĩa bình quân; chủ nghĩa cộng sản; chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa duy lý; phép biện chứng; giá trị định tính.

Thời hiện đại cho phép nhìn nhận về Mác một cách khách quan hơn, tổng thể hơn. Bởi vậy đến nay, chúng ta có thể và cần phải nêu bật sự thống nhất giữa triết học và chủ nghĩa xã hội vốn đặc trưng cho quan điểm của Mác. Tất cả chúng ta còn nhớ như in câu nói của Mác trong “Lời nói đầu” cho “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel”: “Giống như triết học tìm thấy vũ khí vật chất của mình ở giai cấp vô sản, thì giai cấp vô sản cũng tìm thấy vũ khí tinh thần của mình ở triết học”⁽¹⁾. Nhưng chúng ta cần phải hiểu rõ hơn giai cấp vô sản cần triết học để làm gì, họ cần triết học nào và số phận liên minh giữa họ với triết học trong lịch sử là thế nào?

Trước hết để trả lời câu hỏi thứ nhất “giai cấp vô sản cần triết học để làm gì”? Lấy căn cứ mà Mác đã chỉ ra, rằng chủ nghĩa cộng sản “bình quân” thậm chí còn chưa phát triển tới trình độ tư hữu phát triển ở chủ nghĩa tư bản. Về điều này khi nhắc tới việc một người vô sản Anh phê phán khoa kinh tế học chính trị là Reyuston, Mác viết trong “Các học thuyết về giá trị thặng dư” rằng, ông ta theo chủ nghĩa khắc kỷ và sẵn sàng hy sinh mọi thành tựu của nền văn minh tư bản chủ nghĩa chỉ nhằm mục đích xác lập bình đẳng, khi mà “Những vật dụng cần thiết sẽ dư thừa, còn những vật phẩm giải trí hoàn toàn vắng mặt”⁽²⁾. Trong “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844”, Mác trách cứ chủ nghĩa cộng sản “bình quân” ở chỗ nó không nắm bắt được những thành tựu tích cực của chế độ tư hữu, điều này thể hiện rõ qua việc nó “phủ định một cách trừu tượng toàn bộ thế giới văn hóa và văn minh, quay trở về tính giản dị không tự nhiên của người nghèo và không có nhu cầu, người này không những không vượt lên trên trình độ chế độ tư hữu mà thậm chí chưa đạt tới chế độ đó”⁽³⁾. Theo Mác, chủ nghĩa cộng sản “bình quân” chỉ kích thích khát vọng chiếm hữu vật chất. Dưới thời Xô

Viết, việc phê phán chủ nghĩa cộng sản “bình quân” được Mác triển khai trong bức thư gửi cho Rougue hay trong “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844”, đã bị bình luận theo tinh thần là chủ nghĩa cộng sản cần quan tâm không những tới lĩnh vực sinh hoạt vật chất của con người mà còn tới cả lĩnh vực sinh hoạt tinh thần, đề ra mục đích nắm bắt toàn bộ thế giới văn hóa do loài người sáng tạo ra.

Trong con mắt của Mác, bình đẳng tất nhiên bị nhiễm quá nặng tinh thần tư sản, do vậy ông đặt trọng tâm vào cái khác - con người chiếm hữu “đời sống tộc loại” của mình, mà đây chính là lý tưởng về tự do theo quan niệm của Hegel - tự do đồng nhất với việc chủ thể tự sáng tạo ra bản thân mình. Chính để khắc phục chủ nghĩa cộng sản bình quân (hay nói chính xác hơn là chủ nghĩa cộng sản “nguyên giáo” (Fundamentalism), vì nó cấu thành nền tảng của tất cả mọi hình thức chủ nghĩa cộng sản thời đại công nghiệp), Mác cần hợp nhất giai cấp vô sản với triết học, vì chỉ trong liên minh đó, giai cấp vô sản mới nhận được thuộc tính phổ biến từ triết học, trở thành giai cấp “phổ biến” đặc biệt, có năng lực thực hiện sứ mệnh giải phóng toàn nhân loại, như Mác viết trong “Lời nói đầu” cho “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel”. Trước kia, chúng ta thường nghe thấy rằng, Mác trẻ tuổi cổ khắc phục chủ nghĩa duy tâm. Điều đó là đúng. Nhưng Mác còn có một kẻ thù quan trọng nữa - chủ nghĩa cộng sản “bình quân” (nguyên giáo). Điều này cũng bởi, trong quan điểm của Mác những người theo chủ nghĩa cộng sản bình quân (“nguyên giáo”) không thường xuyên nhắc tới tự do, còn nếu có nhắc tới, thì lại gắn liền nó với việc thực hiện nguyên tắc bình đẳng như nguyên tắc giữ vai trò hàng đầu đối với nguyên tắc tự do. Qua thực tiễn lịch sử Mác còn nhận thấy trước khả năng phát triển nguy nan của bình đẳng, khi mà nó mới chỉ là nguyên tắc lý luận.

Nhằm khắc phục bất bình đẳng, Mác đã sử dụng một số tư tưởng của triết học Hegel (tất nhiên, chúng được ông chỉnh lý). Hơn nữa, điều mà Mác quan tâm đề hướng sự khắc phục bất bình đẳng chính là vấn đề con người, những con người có thể làm chủ toàn bộ sự phong phú của phát triển xã hội trước đó. Như Mác viết, “con người quay lại với chính mình với tính cách là con người xã hội, nghĩa là có tính chất người”. Vì các chủ đề của “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844” (tha hóa của lao động, của sản phẩm lao động, tha hóa của con người khỏi “bản chất tộc loại” của mình, các giai đoạn vượt bỏ tha hóa khác nhau của lao động, v.v.) là khá rõ ràng, nên có thể dừng lại ở một trích dẫn mang tính then chốt đối với nhận thức về khác biệt giữa quan điểm cộng sản của Mác so với tư tưởng cộng sản “bình quân”. Mác nói về chủ nghĩa cộng sản rằng, “nó là sự giải quyết thực sự mâu thuẫn giữa con người và tự nhiên, giữa con người và con người, là sự giải quyết thực sự cuộc tranh chấp giữa tồn tại và bản chất, giữa sự đối tượng hóa và sự tự khẳng định, giữa tự do và tất yếu, giữa cá thể và loài”. Giải quyết mâu thuẫn ở đây không có nghĩa là thủ tiêu một trong các mặt của nó như điều này thường được lý giải trong chủ nghĩa Mác hậu Mác, mà là “vượt bỏ” nó nhờ cải biến, giữ lại một mặt mâu thuẫn này như mặt của mình đối với mặt mâu thuẫn khác. Mác còn nhận thấy rằng, những thành tựu của chủ nghĩa tư bản không những là ở chỗ nó đã phát triển sản xuất vật chất, khoa học, như những người mác xít ở thế kỷ XX đã lý giải tư tưởng của ông, mà còn ở chỗ nó đã phát triển toàn diện hơn cá tính (individualité) của con người. Mác đã chứng minh (và có thể xem đây là sự kết thúc cuộc tranh luận của ông với “chủ nghĩa cộng sản bình quân”) rằng, đơn giản thủ tiêu chế độ tư hữu hay trở thành chủ sở hữu của cải vật chất là chưa đủ, con người còn cần “chiếm hữu bản chất toàn diện của mình một cách toàn diện, nghĩa là như một con người toàn vẹn”⁽⁴⁾.

Những điều nói trên cho phép rút ra kết luận rằng, với Mác, bản chất con người phát triển “một cách toàn diện” ở chủ nghĩa tư bản, nhưng nó bị tha hóa khỏi con người, con người (lao động) bị tách rời khỏi bản chất xã hội của mình (khoa học, nhà nước, đạo đức, v.v.). Trên thực tế, Mác viết: “Cho nên xóa bỏ chế độ tư hữu có nghĩa là giải phóng hoàn toàn tất cả những cảm giác và thuộc tính của con người; nhưng nó là sự giải phóng đó chính vì những cảm giác và thuộc tính ấy đã trở thành của con người theo ý nghĩa chủ quan cũng như theo ý nghĩa khách quan”⁽⁵⁾. Những suy luận như vậy của Mác không phải gì khác như là cải biến tư tưởng của Hegel về “vượt bỏ”, vì ông không bao giờ nói về cách thức cần phải tách biệt những thành tựu tiến bộ của chế độ tư hữu khỏi bản thân nó và tái hiện chúng trong điều kiện của chủ nghĩa cộng sản mà, như

chúng ta đã nói, có nguyên tắc cơ bản - công hữu (chủ nghĩa cộng sản) đối lập với nguyên tắc tư hữu (chủ nghĩa cá nhân). Nhưng, tổng hợp, “vượt bỏ”, vòng khâu tư biện trong vận động của Tinh thần tuyệt đối ở Hegel thể hiện tương đối hữu cơ, vì mọi thành tựu của Tinh thần đều là quá trình tự nhận thức của nó.

Hơn nữa, có thể chỉ ra mối liên hệ giữa lý luận của Mác và triết học Hegel bằng cách so sánh “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844” với “Hiện tượng học tinh thần”. Trong “Bản thảo”, bản thân Mác đã đưa ra đánh giá về “Hiện tượng học tinh thần” mà có thể áp dụng vào hệ thống triết học Hegel nói chung. Phê phán Hegel vì ông ta chỉ thừa nhận “hình thức tinh thần - trừu tượng” của lao động, Mác đánh giá cao phương pháp của ông ta, “biện chứng phủ định” của ông ta như nguyên tắc chi phối vận động của tinh thần. Các nhà bình luận Mác nhiều lần đã nhắc lại rằng, rất khó, nói chính xác hơn là không thể tách rời phương pháp của Hegel khỏi hệ thống duy tâm của ông ta. Việc phân tích các tác phẩm của Mác đề cập tới việc thủ tiêu tha hóa trong quan hệ giữa con người với xã hội đưa tới tư tưởng như vậy. Có thể nhận thấy điều sau đây: trong “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844”, Mác không nói là bản thân Hegel mô tả xã hội tha hóa và triển vọng của nó như thế nào (các mục “Giáo dục” và “Luân lý” trong “Hiện tượng học tinh thần”), ông khảo cứu lược đồ tha hóa như phương pháp cho phép Hegel xây dựng hệ thống triết học của mình. Nhưng chính các mục này cho phép nhận thấy sự tương đồng giữa quan niệm của Mác và quan niệm của Hegel về tha hóa.

Như vậy, tư tưởng của Hegel về “tự do tuyệt đối”, thế giới thống nhất và chuyển hóa lẫn nhau giữa các hiện tượng trước đó thù địch với nhau được xác định là nguyên mẫu cho chủ nghĩa cộng sản của Mác, song đã được cải biến. Nhằm khẳng định hoàn toàn không có gì bịa đặt trong luận điểm đó, có thể viện dẫn vào H.Lucacs. Trong tác phẩm “Lịch sử và ý thức giai cấp” (1923), ông mô tả chủ nghĩa xã hội là thế giới thường biến tuyệt đối nhờ tuân theo tinh thần của Hegel như người đã xác định “tự do tuyệt đối” là “yêu phụ tiêu vong”, tức là tính thường biến của các hiện tượng và sự chuyển hóa lẫn nhau của chúng. Điều này đã cho thấy, quan niệm của Mác về sự thống nhất của các cá nhân trong xã hội mang tính chất lý tưởng và có nội dung tích cực hơn. Hơn nữa, nếu lương tâm ở Hegel là đối cực của sự tha hóa cùng với thế giới những khái niệm trừu tượng chung về pháp luật và nhà nước đặc trưng cho nó, nó là cái chung bao hàm trong mình cái cụ thể, cái chung sống động, có thể so sánh nó hoặc với đơn tử của Leibniz bao hàm vô số thế giới, hoặc với khái niệm “cuộc sống” của Bergson. Nhưng, các hình thức nêu trên của “cái chung sống động” có thể được tự

duy hay trực giác, trong khi đó không thể đưa chúng vào hiện thực khách quan. Song, Mác lại hướng tới chính việc đưa "cái chung sống động" đó vào hiện thực khách quan khi xây dựng quan điểm của mình về chủ nghĩa cộng sản.

Kết thúc sự so sánh giữa triết học của Hegel với chủ nghĩa cộng sản của Mác ở đây và quan tâm tới vấn đề về những khác biệt giữa Hegel và Mác về phương diện triết học theo nhận thức của bản thân Mác. Trong "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel" (1843), Mác phê phán chủ nghĩa duy tâm của Hegel trong việc luận giải các vấn đề về nhà nước và xã hội công dân: chúng thể hiện ở Hegel là các vòng khâu trong phát triển của tinh thần, vốn là tinh thần "chung" dưới hình thức nhà nước, tinh thần này tách biệt các lĩnh vực tinh thần hữu hạn (gia đình, xã hội công dân) ra khỏi mình và, sau khi kinh qua chúng, nó trở thành cái chung cụ thể. Đây là những điều dễ hiểu, nhưng điều quan trọng là Mác vạch ra "chủ nghĩa thần bí logic, phiếm thần" ở Hegel, nhận thấy "chủ nghĩa thần bí" chỉ ở chỗ các hiện tượng thực tại ở Hegel bị biến thành các vòng khâu trong vận động của tinh thần, do vậy toàn bộ triết học pháp quyền trở thành "logic học ứng dụng". Trên tinh thần đó, Mác đã gắn liền việc hợp nhất nhà nước chung - trừu tượng với lĩnh vực lợi ích của công dân và sự xuất hiện của cái chung cụ thể với cách mạng vô sản. Hegel cố nhận thấy việc hợp nhất ấy ở trong chế độ quân chủ lập hiến cùng với các yếu tố đẳng cấp. Vốn được bộc lộ vào năm 1843, chủ ý của Mác nhằm hợp nhất nhà nước với lĩnh vực lợi ích tư nhân được ông giữ lại cả trong giai đoạn muộn hơn, trong tư tưởng về sự tiêu vong của nhà nước ở giai đoạn tối cao của xã hội cộng sản. Ảnh hưởng của triết học pháp quyền của Hegel kéo dài đến như vậy!

Trong "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844", Mác phê phán toàn diện hệ thống triết học của Hegel, chính xác hơn là "Hiện tượng học tinh thần" của Hegel. Giống như ở phần trên, đối tượng phê phán chủ yếu của Mác là chủ nghĩa duy tâm của Hegel, là việc Hegel xem xét nhà nước, của cải, v.v. hoàn toàn dưới hình thức "tư tưởng" và quan niệm chúng là các vòng khâu trong quá trình sinh thành của tri thức tuyệt đối. Tiếp theo, Mác nói tới "sự vĩ đại của "Hiện tượng học tinh thần" của Hegel và kết quả cuối cùng của nó - biện chứng của tính phủ định với tính cách là nguyên lý thúc đẩy và sản sinh". "Phép biện chứng của tính phủ định" là quan trọng đối với Mác vì thông qua nó, như ông nói, Hegel "xem xét sự tự sản sinh của con người như là một quá trình, xem xét sự đối tượng hóa như là sự phân hóa đối tượng, như là sự tha hóa và sự tước bỏ sự tự tha hóa ấy, do đó ông nắm lấy bản chất của lao động và hiểu con người đối tượng, con người chân chính, vì có tính chất hiện thực, là kết quả của lao động của bản thân

con người"⁽⁶⁾. Đây chính là sự xuyên suốt trong quan điểm của Mác làm cơ sở chống chủ nghĩa bình quân, bằng cách qua phân tích quan điểm của Hegel, Mác quy tất cả những tính quy định phong phú đó của tinh thần và lịch sử thành tư tưởng về lao động và chủ yếu là về lao động làm thuê.

Cũng trong quá trình phân tích tác phẩm của Hegel, Mác đã xây dựng quan điểm độc đáo, riêng của ông về sự tha hóa nhờ gắn liền nó trước hết với lao động làm thuê của công nhân tại các xí nghiệp công nghiệp. Song, vấn đề về quan hệ của quan điểm ấy với triết học Hegel đòi hỏi phải được xét lại, cũng như phải xét lại sự đánh giá triết học Hegel từ phía Mác. Hegel nhận thấy nhiệm vụ của mình là nghiên cứu quá trình sinh thành chân lý, ông lần đầu tiên trong lịch sử triết học đã luận giải chân lý không phải theo nghĩa nhận thức hiện thực bên ngoài đối với con người, ông tiến hành phân tích các hình thức chủ quan mang tính lịch sử của tinh thần, các thể chế xã hội để xem xét chân lý. Do vậy, "Hiện tượng học tinh thần" đề cập không đơn giản tới quan hệ của ý thức với thế giới đối tượng, mà còn tới các đặc điểm của tự ý thức xã hội, tới việc thực hiện nó vào hiện thực, tới đạo đức, nhà nước và pháp luật, qua đó Hegel hình thành tư tưởng về quá trình sinh thành Tri thức tuyệt đối. Mác quy tất cả những tính quy định phong phú đó của tinh thần và lịch sử thành tư tưởng về lao động và chủ yếu là về lao động làm thuê.

Để chỉ ra khái niệm "lao động" và "sự tha hóa của lao động" trong "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" của Mác xuất phát từ phân tích quan điểm trong "Hiện tượng học tinh thần" của Hegel, có thể hiểu theo nghĩa sau: Nghĩa thứ nhất gắn liền với việc đồng nhất lao động bị tha hóa với lao động của công nhân phân xưởng. Phương diện này đương nhiên là khả thể trong việc xem xét các hình thức của sự tha hóa xã hội, nếu nhận thấy lao động của công nhân là hàng hóa vận động theo các quy luật của thị trường. Sự tha hóa của công nhân trong trường hợp này thể hiện là một phương diện của sự tha hóa có quy mô lớn hơn (dưới hình thức thị trường), chủ thể của nó là cộng đồng người. Nhưng, trong "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844", Mác chủ yếu xem xét sự tha hóa của công nhân như một hiện tượng độc lập, còn bản thân công nhân là chủ thể làm cho lao động của mình, sản phẩm lao động của mình, bản chất loài của mình bị tha hóa. Không phải hoạt động của cộng đồng người, mà hoạt động của công nhân phân xưởng là nguồn gốc của sự tha hóa và là lực lượng gánh vác lấy việc khắc phục sự tha hóa, một lần nữa lại chiếm hữu lao động của mình, kết quả lao động của mình và bản chất loài của mình, bản chất mà công nhân đã bị tách rời khỏi nó. Bằng con đường như vậy, Mác cố chứng minh sự đồng nhất tất yếu trong tương lai giữa cá nhân và loài, giữa việc cá nhân (công nhân)

chiếm hữu bản chất loài của mình và việc khắc phục hạn chế của chủ nghĩa cộng sản bình quân là chủ nghĩa chỉ có kỳ vọng để người lao động sở hữu những của cải vật chất và văn hóa.

Nghĩa thứ hai của "lao động bị tha hóa" chỉ được Mác nhắc tới một lần trong "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" và gần gũi hơn với quan niệm của Hegel về sự tha hóa, có liên quan tới lao động được xem xét trên quy mô toàn thể xã hội: tới phân công lao động xã hội và trao đổi. Mác viết rằng, "việc nghiên cứu phân công lao động và trao đổi có một ý nghĩa hết sức lớn vì đó là những biểu hiện tha hóa và rõ rệt của hoạt động của con người"⁽⁷⁾. Thực ra, Hegel cũng hiểu sự tha hóa là như vậy khi ông xác định lĩnh vực chủ nghĩa cá nhân và thói ích kỷ kinh tế là lĩnh vực tha hóa chủ yếu. Nhiều đại diện của chủ nghĩa xã hội trước và sau Mác đã nhận thấy sự tồn tại của trao đổi, quan hệ thị trường chính là nguồn gốc của sự bất bình đẳng. Song bản thân Mác biểu thị toàn bộ tổng thể quan hệ hàng hóa chính là "tệ sùng bái hàng hóa" trong "Tư bản" và thừa nhận chúng là nguồn gốc của những sự thần bí xã hội, là lĩnh vực tự phát, chỉ có việc con người quản lý cách tự giác các quá trình xã hội mới khắc phục được nó. Đây là một tư tưởng rất tinh táo, đã và tất nhiên sẽ giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử của chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, chúng ta quay trở lại với vấn đề về thái độ của Mác đối với "chủ nghĩa cộng sản bình quân" trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" vốn được nhiều nhà nghiên cứu lịch sử chủ nghĩa Mác coi là cột mốc tách biệt các tác phẩm đầu tay với các tác phẩm chín muồi của Mác. Trên thực tế, trong tác phẩm này, Mác chủ yếu đã trình bày quan niệm duy vật về lịch sử của ông, điều này không thể không ảnh hưởng tới việc ông luận giải bản chất và triển vọng của chủ nghĩa cộng sản. Ở đây, Mác luận chứng cách mạng cộng sản nhờ chỉ ra sự tăng trưởng sản xuất liên tục, tất yếu dẫn tới việc thủ tiêu chế độ tư hữu và thắng lợi của chế độ công hữu thông qua đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống lại tầng lớp chủ sở hữu. Muộn hơn, trong "Phê phán Cương lĩnh Gotha", Mác nhấn mạnh "trạng thái dư thừa" khi nêu đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản. Trạng thái này cần phải trở thành cái bảo đảm để khát vọng sở hữu vật một lần nữa không khống chế mọi người. Song, các "xã hội tiêu dùng" hiện đại cho thấy rõ, trạng thái dư thừa là một kiểu ảo ảnh không bao giờ tiến gần đến được, là một hư cấu xã hội, vì nhu cầu của con người tăng lên cùng với sự gia tăng sản xuất ra mọi loại của cải và do vậy, quá trình này kéo dài vô hạn. "Trạng thái dư thừa" trong các tác phẩm chín muồi của Mác hoàn thành vai trò mà sự đồng nhất thần bí giữa cá nhân và xã hội đã từng hoàn thành trong các tác phẩm đầu tay của ông.

Các đại diện của chủ nghĩa xã hội mác-xít một thời gian dài tin tưởng rằng, sau khi đứng trên lập trường duy vật về lịch sử, Mác chứng minh sự tất yếu của chủ nghĩa cộng sản cách khoa học. Một số tác phẩm của Mác thực sự tạo ra cảm tưởng rằng, chủ nghĩa cộng sản đang ra đời rất rõ từ tất cả mọi quá trình của chủ nghĩa tư bản. Thí dụ, điều đó có quan hệ với "Tuyên ngôn của đảng cộng sản", tác phẩm hoàn toàn không tạo ra cảm giác về bất kỳ hổ ngấn cách nào giữa tác giả của nó với thế giới, không trình bày lập trường đảng phái của những người cộng sản, chỉ vạch rõ chân lý nằm ở trong bản thân các sự vật, trong sự sinh thành của chúng. Song, bất chấp ảo tưởng hoàn toàn về tri thức hoàn hảo của Mác trong "Tuyên ngôn", "Tư bản", các tác phẩm kinh tế khác của ông, các kết luận của ông về triển vọng những biến đổi trong lĩnh vực sản xuất - kinh tế và trong toàn thể xã hội vẫn mang tính thiên kiến và được xây dựng do ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản, lý luận ngay từ đầu đã được Mác gắn liền với triết học về sự tha hóa và đã giữ lại dấu ấn về nguồn gốc đó của mình khi Mác tạo dựng quan niệm duy vật về lịch sử. Điều này đặc biệt có liên quan tới việc luận giải vai trò lịch sử của giai cấp vô sản. Bernstein là người mác xít đầu tiên đã nói rõ rằng, quan niệm "lý tưởng" về người vô sản hiện diện trong các tác phẩm của Mác: người vô sản hiện thực hoàn toàn thỏa mãn với những cải cách xã hội, những người cộng sản gắn ghép mục đích cải biến triệt để xã hội dựa trên cơ sở công hữu cho họ. Nếu nhớ lại rằng, vào lúc mới bắt đầu hoạt động báo chí và chính trị của mình, Mác đã hình thành luận điểm về sự cần thiết của liên minh giữa triết học với giai cấp vô sản, thì triết học ở ông rốt cuộc đã lấn át giai cấp vô sản. Hơn nữa, điều đó lại có quan hệ cả với triết học về sự tha hóa, cả với quan niệm duy vật về lịch sử của ông.

Triết học về sự tha hóa cần cho Mác ở những năm 40 thế kỷ XIX đã khắc phục hạn chế của chủ nghĩa cộng sản bình quân. Chính từ quan điểm về sự tha hóa của lao động đã cho phép Mác phát triển quan niệm về tự do của cá nhân và bất bình đẳng phục tùng tự do, song tự do có tính chất thần bí của Hegel đã được khắc phục với luận chứng về sự thống nhất trực tiếp giữa cá nhân với xã hội. Đây chính là câu trả lời "giai cấp vô sản cần triết học để làm gì?" và cũng chính là cơ sở hiện thực cho xây dựng chủ nghĩa xã hội với các giá trị công bằng xã hội và dân chủ./

(1), (6) C.Mác, Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., T.1, tr.428, 226.

(2) C.Mác, Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, phần III, T.26, tr.270.

(3), (4), (5), (7) C.Mác, Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., T.42, tr.165, 172, 173, 206.